

Số: /QĐ-XPHC-PTH

Phú Thọ, ngày tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế

TRƯỞNG THUẾ TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 / 11 / 2020;

Căn cứ Luật Quản lý thuế, các Luật thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn;

Căn cứ Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính;

Quyết định số 1376/QĐ-CT ngày 30/6/2025 của Cục Trưởng Cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thuế tỉnh, thành phố thuộc Cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-CT ngày 02/7/2025 của Trưởng Thuế tỉnh Phú về việc phân công tạm thời nhiệm vụ, lĩnh vực chỉ đạo, điều hành công tác của Lãnh đạo Thuế Thuế tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-CT ngày 02/7/2025 của Trưởng Thuế tỉnh Phú về việc ủy quyền ký tên, đóng dấu Thuế tỉnh Phú Thọ trên văn bản.

Căn cứ kết quả kiểm tra tại Biên bản kiểm tra ký ngày 30/06/2025 giữa Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 305/QĐ-CCTKV.VIII-VPH ngày 28/5/2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực VIII và Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ Tầng Vĩnh Phúc;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Tên tổ chức vi phạm: Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ Tầng Vĩnh Phúc;

Địa chỉ trụ sở: KCN Khai Quang, phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ;

Mã số thuế: 2500222004;

Công ty được thành lập theo: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500222004 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 16/6/2003. Cấp thay đổi lần thứ 28 ngày 14 /4 /2025.

Người đại diện theo pháp luật: Phạm Trung Kiên; Giới tính: Nam; Chức danh: Tổng giám đốc.

2. Đã có các hành vi vi phạm hành chính về thuế:

2.1. Hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 44 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội.

2.2. Hành vi vi phạm hành chính về khai sai nhưng không dẫn đến thiếu số thuế phải nộp.

2.3. Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp.

3. Các hành vi vi phạm hành chính nêu trên bị xử phạt:

3.1. Hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế quy định tại: Điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

3.2. Hành vi vi phạm hành chính về khai sai nhưng không dẫn đến thiếu số thuế phải nộp theo quy định tại Khoản 3, Điều 12 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn

3.3. Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp (mức phạt 20% tính trên số thuế truy thu qua kiểm tra) quy định tại Khoản 1, Điều 16 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

4. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

a) Các tình tiết giảm nhẹ: Không;

b) Các tình tiết tăng nặng: Không.

5. Các tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm (nếu có): Không;

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính:

- Phạt về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế, mức phạt: 12.650.000 đồng (*Bằng chữ: Mười hai triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Phạt về hành vi khai sai nhưng không dẫn đến thiếu số thuế phải nộp, mức phạt: 6.500.000 đồng (*Sáu triệu, năm trăm ngàn đồng chẵn*)

- Phạt về hành vi khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp theo tỷ lệ 20% trên số thuế truy thu qua kiểm tra, số tiền: 42.798.136 đồng. (*Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, một trăm ba mươi sáu đồng*),

Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là: **61.948.136 đồng** (*Bằng chữ: Sáu mươi một triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm ba mươi sáu đồng*).
Nội dung khoản thu: chương 557, tiểu mục 4254.

b) Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp đủ số tiền thuế thiếu, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Tổng số tiền thuế truy thu là: **260.843.869 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm sáu mươi chín đồng).

Trong đó:

+ Truy thu Thuế GTGT (TM 1701): 12.729.439 đồng.
 + Truy thu Thuế TNCN (TM 1001): 157.099.999 đồng.
 + Truy thu Thuế TNDN (TM 1052) từ ngày 01/10/2018 đến ngày 30/9/2024: 91.014.431 đồng.

- Tổng tiền chậm nộp tiền thuế, số tiền là **61.411.785 đồng**. (Bằng chữ: Sáu mươi một triệu, bốn trăm mười một nghìn, bảy trăm tám mươi lăm đồng).

Trong đó: Tiền chậm nộp thuế TNDN, tiểu mục 4918, số tiền: 19.871.216 đồng; Tiền chậm nộp thuế TNCN, tiểu mục 4917, số tiền: 34.172.244 đồng; Tiền chậm nộp thuế GTGT, tiểu mục 4931, số tiền: 7.368.325 đồng.

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 30/6/2025, Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ Tầng Vĩnh Phúc có trách nhiệm tự tính và nộp số tiền chậm nộp tiền thuế kể từ sau ngày 30/6/2025 đến thời điểm thực nộp số tiền thuế truy thu và phạt (nêu trên) vào Ngân sách Nhà nước theo quy định.

- Tổng số thuế truy thu, phạt vi phạm hành chính, phạt nộp chậm vào NSNN qua kiểm tra số tiền: **384.203.790 đồng**. (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm linh ba nghìn, bảy trăm chín mươi đồng).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho Ông Phạm Trung Kiên là cá nhân đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành;

Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ Tầng Vĩnh Phúc phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ Tầng Vĩnh Phúc không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

Số tiền thuế truy thu, tiền xử phạt vi phạm hành chính, tiền chậm nộp quy định tại Điều 1 phải nộp vào Tài khoản thu NSNN: 7111; Chương 557; Tài khoản KBNN: mã 1261 - Kho bạc Nhà nước Khu vực VIII – Phòng kế toán Nhà nước; Cơ quan quản lý thu: 1054998 – Thuế tỉnh Phú Thọ. Chi tiết cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Việt Nam đồng.

STT	Loại thuế, phạt, chậm nộp	Số tiền	Chương	Tiểu mục	Tài khoản thu NSNN
1	Phạt vi phạm hành chính	61.948.136	557	4254	7111
a	Tiền phạt vi phạm hành chính	61.948.136	557	4254	7111
2	Truy thu	260.843.869	557		
a	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	91.014.431	557	1052	7111

STT	Loại thuế, phạt, chậm nộp	Số tiền	Chương	Tiểu mục	Tài khoản thu NSNN
b	Thuế Thu nhập cá nhân	157.099.999	557	1001	7111
c	Thuế GTGT	12.729.439	557	1701	
3	Tiền chậm nộp	61.411.785	557		
a	Chậm nộp thuế TNDN	19.871.216	557	4918	7111
b	Chậm nộp thuế TNCN	34.172.244	557	4917	7111
c	Chậm nộp thuế GTGT	7.368.325	557	4931	7111
Tổng cộng		384.203.790			

Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ Tầng Vĩnh Phúc có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Phòng kế toán Nhà nước - Kho bạc Nhà nước Khu vực VIII để thu tiền phạt.

3. Gửi cho các Phòng: Kiểm tra 2; Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp số 2 để phối hợp tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Trưởng thuế tỉnh (b/c);
- Lưu VT, KTr2 (nmha-05b).

**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**

Lê Văn Phúc